

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NỘI KHOA**

Khối ngành:	Khoa học sức khỏe
Ngành:	Nội khoa
Mã ngành đào tạo:	8720107
Trình độ đào tạo:	Sau đại học
Hệ đào tạo:	Tập trung
Thời gian đào tạo:	2 năm

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2154/QĐ-BGDDT ngày 06 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245A^A ngày 06 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.....	6
II.	MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
1.	Sứ mệnh – Tâm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường	6
2.	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: POs).....	6
III.	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
1.	Chuẩn đầu ra của CTDT (Program Learning Outcomes: PLOs)	7
2.	Sự phù hợp với mục tiêu của CTDT.....	8
3.	Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành.....	9
IV.	VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO.....	10
1.	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	10
2.	Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	10
V.	TUYỂN SINH	10
VI.	TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	10
1.	Tiến trình đào tạo.....	10
2.	Điều kiện tốt nghiệp.....	10
VII.	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	11
1.	Khối lượng kiến thức toàn khóa	11
2.	Khung chương trình đào tạo.....	11
3.	Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTDT	13
4.	Mô tả các học phần	13
VIII.	PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC	16
IX.	PHƯƠNG PHÁP LUẬNG GIÁ, DÁNH GIÁ.....	17
X.	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	18
XI.	ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	18
XII.	PHỤ LỤC	19
1.	Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 7)	19

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo:	Thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Nội khoa
Trình độ đào tạo:	Sau đại học
Khối ngành:	Sức khỏe
Ngành đào tạo:	Nội khoa
Mã ngành:	8720107
Hệ đào tạo:	Chính quy
Hình thức đào tạo:	Tập trung
Thời gian đào tạo:	24 tháng
Tên văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Nội khoa
Dơn vị đào tạo, cấp bằng:	Trường đại học Y Dược Hải Phòng
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng:	Học viên cao học Nội khoa
Thời gian áp dụng:	Năm học 2023- 2024

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo Thạc sĩ Nội khoa định hướng ứng dụng được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mệnh – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội về chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và phát triển y dược biển đảo.

Tầm nhìn: Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khoẻ có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

Triết lý giáo dục: Lấy người học làm trung tâm – Lấy người bệnh làm trung tâm – Vì sức khỏe cộng đồng.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ Nội khoa định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên sâu, cập nhật, toàn diện; có kỹ năng thực hành lâm sàng thành thạo; có năng lực triển khai thành thạo các nghiên cứu thuộc lĩnh vực nội khoa; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ thăm khám, chẩn đoán, điều trị, dự phòng, quản lý sức khỏe nhân dân, hướng dẫn đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực Nội khoa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các vấn đề Nội khoa thường gặp.

PO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh Nội khoa thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

PO3. Xử trí đúng các cấp cứu Nội khoa thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

PO4. Thực hiện thành thạo các bước tiến hành một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Nội khoa, đảm bảo trung thực và đúng quy định của Việt Nam và quốc tế.

PO5. Ứng dụng thành thạo các kỹ năng tin học và ngoại ngữ vào trong thực hành chuyên môn nghề nghiệp.

PO6. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

PO7. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

PO8. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra của CTDT (Program Learning Outcomes: PLOs)

Tại thời điểm tốt nghiệp, Thạc sĩ Nội khoa định hướng ứng dụng phải đạt được các năng lực sau:

PLO1. Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Nội khoa thường gặp.

PLO2. Áp dụng các kiến thức về thống kê y sinh để giải thích cơ sở các bước tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Nội khoa.

PLO3. Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

PLO4. Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh Nội khoa thường gặp.

PLO5. Xử trí đúng một số cấp cứu Nội khoa thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý Nội khoa nặng, phức tạp, tránh biến chứng.

PLO6. Thực hành thành thạo các bước xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức triển khai, thu thập và phân tích số liệu, báo cáo một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực Nội khoa theo các quy định hiện hành của Việt Nam và quốc tế.

PLO7. Sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ (tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) và tin học (tin học văn phòng, phần mềm quản lý bệnh viện, thống kê y sinh) để học tập nâng cao trình độ chuyên môn và thực hành nghề nghiệp.

PLO8. Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức phù hợp và hiệu quả.

PLO9. Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

PLO10. Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

PLO11. Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.

2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu (PO)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PO1	X	X					X	X			
PO2	X		X	X	X				X		X
PO3	X		X	X	X				X		X
PO4		X				X	X	X	X	X	X
PO5							X	X	X	X	X
PO6			X	X	X	X	X	X			X
PO7									X		X
PO8							X			X	

3. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành

Khung Trình độ quốc gia VN (Bậc 7)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo	X										
Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến		X	X	X							
Kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp		X	X	X	X	X				X	
Kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi							X	X	X	X	
Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp									X	X	X

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Học viên có thể công tác tại các khoa, phòng tại các cơ sở y tế, hoặc giảng dạy tại các trường đào tạo khối ngành sức khỏe, các viện nghiên cứu về y khoa.

5. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục các bậc học nâng cao: Tiến sĩ nội khoa, bác sĩ chuyên khoa cấp 2 các chuyên ngành Nội khoa

V. TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh chung trình độ cao học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng

VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6. Tiến trình đào tạo

Trong thời gian đào tạo 24 tháng, được chia 4 học kỳ:

- Học kỳ 1: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức hỗ trợ
- Học kỳ 2 và 3: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm cả lý thuyết và thực hành lâm sàng tại các khoa phòng hệ Nội của các Bệnh viện thực hành; đồng thời triển khai đề tài thuộc luận văn tốt nghiệp
- Học kỳ 4: Học viên tiếp tục học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm cả lý thuyết và thực hành lâm sàng tại các khoa phòng hệ Nội của các Bệnh viện thực hành; hoàn thiện luận văn tốt nghiệp

7. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được xét tốt nghiệp khi hoàn thành 100% khối lượng kiến thức; điểm học phần $\geq 5,5$; bảo vệ luận văn tốt nghiệp ở mức đạt trở lên; và không chịu các hình thức kỷ luật của Nhà trường

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối kiến thức	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
	LT	TH	LS	Tổng	
Giáo dục đại cương	4	1	0	5	8,33
Cơ sở ngành	5	3	3	11	18,33
Chuyên ngành	12	0	14	26	43,34
Tự chọn	3	0	6	9	15,00
Luận văn	0	9	0	9	15,00
Tổng cộng	25	13	22	60	100

9. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ				Học phần tiên quyết	Học phần học trước
			Tổng	L T	T H	L S		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	5	4	1	0		
1		Triết học	3	3	0	0		
2		Phương pháp NCKH	2	1	1	0		
		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	11	5	3	3		
1		Thống kê y sinh	3	1	2	0		
2		Phương pháp giảng dạy	2	1	1	0		
3		Hồi sức cấp cứu	4	2	0	2		
4		Truyền nhiễm	2	1	0	1		
		KIẾN THỨC NGÀNH	26	1 2	0 4	1		
1		Tim mạch	5	2	0	3		
2		Hô hấp	5	2	0	3		
3		Tiêu hóa	4	2	0	2		
4		Nội tiết	4	2	0	2		
5		Thận - tiết niệu	4	2	0	2		
6		Cơ - xương - khớp	4	2	0	2		
		KIẾN THỨC TỰ CHỌN	9	3	0	6		

1		Huyết học lâm sàng 4	3	1	0	2		
		Thần kinh	3	1	0	2		
2		Ung thư học	3	1	0	2		
		Chẩn đoán hình ảnh 10	3	1	0	2		
3		Lão khoa 6	3	1	0	2		
		Dị ứng - miễn dịch lâm sàng	3	1	0	2		

10. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)										
	PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11
Triết học								X			X
Phương pháp NCKH		X			X	X	X			X	
Thống kê y sinh		X			X	X	X	X		X	
Phương pháp giảng dạy								X	X		
Hồi sức cấp cứu	X		X	X					X		X
Truyền nhiễm	X		X	X					X		X
Tim mạch	X		X	X					X		X
Hô hấp	X		X	X					X		X
Tiêu hóa	X		X	X					X		X
Nội tiết	X		X	X					X		X
Thận - tiết niệu	X		X	X					X		X
Cơ - xương - khớp	X		X	X					X		X
Huyết học lâm sàng	X		X	X					X		X
Thần kinh	X		X	X					X		X
Ung thư học	X		X	X					X		X
Chẩn đoán hình ảnh	X		X	X					X		X
Lão khoa	X		X	X					X		X
Dị ứng - miễn dịch lâm sàng	X		X	X					X		X

11. Mô tả các học phần

- Triết học: cung cấp cho học viên phương pháp luận trong phân tích các hiện tượng, vấn đề sức khỏe trong chuyên ngành Nội khoa

- Phương pháp NCKH: cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học; giúp học viên hình thành năng lực tiến hành một nghiên cứu khoa học: xây dựng đề cương, triển khai thu thập và phân tích số liệu nghiên cứu, viết và trình bày bài nghiên cứu khoa học.

- Thống kê y sinh: cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản để ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực; giúp học viên hình thành kỹ năng phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết

quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

- Phương pháp dạy học: cung cấp cho học viên những lý luận nền tảng của dạy học y khoa dựa trên năng lực; giúp học viên hình thành kỹ năng dạy học, bao gồm xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình/bài học, xây dựng chiến lược và công cụ lượng giá, xây dựng nội dung và kế hoạch bài học, tổ chức việc dạy học.

- Hồi sức cấp cứu: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về hồi sức cấp cứu; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân nặng, cần hồi sức cấp cứu.

- Truyền nhiễm: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh truyền nhiễm; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm.

- Tim mạch: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về bệnh tim mạch; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh tim mạch.

- Hô hấp: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về bệnh hô hấp; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc hô hấp.

- Tiêu hóa: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về bệnh tiêu hóa; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh tiêu hóa.

- Thận - tiết niệu: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về bệnh thận - tiết niệu; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh thận - tiết niệu.

- Nội tiết: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về bệnh nội tiết; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh nội tiết.

- Cơ xương khớp: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về bệnh cơ xương khớp; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo

trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh cơ xương khớp.

- Huyết học lâm sàng: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về bệnh máu; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh máu.

- Thần kinh: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh thần kinh; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc thần kinh.

- Ung thư học: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh ung thư; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh ung thư.

- Chẩn đoán hình ảnh: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về chẩn đoán hình ảnh; giúp học viên xây dựng kỹ năng phân tích thành thạo các kết quả chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh nhân.

- Lão khoa: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh nhân cao tuổi; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân người cao tuổi.

- Dị ứng - miễn dịch lâm sàng: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh nhân dị ứng - miễn dịch; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh miễn dịch - dị ứng.

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

1. Kiến thức

- Thuyết trình
- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

2. Kỹ năng

- Dạy học một kỹ năng
- Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân
- Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh
- Dạy học thông qua trực
- Dạy học thông qua giao ban
- Dạy học thông qua hội chẩn
- Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

3. Ma trận các phương pháp dạy - học

Học phần	Phương pháp dạy học											Tổng số phương pháp
	PP 1	PP 2	PP 3	PP 4	PP 5	PP 6	PP 7	PP 8	PP 9	PP 10	PP 11	
Triết học	x	x										2
Phương pháp NCKH	x	x		x								3
Thống kê y sinh	x	x		x								3
Phương pháp giảng dạy	x	x										2
Hồi sức cấp cứu	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Truyền nhiễm	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Tim mạch	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Hô hấp	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Tiêu hóa	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Nội tiết	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Thận - tiết niệu	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Cơ - xương - khớp	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Huyết học lâm sàng	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Thần kinh	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Ung thư học	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Chẩn đoán hình ảnh	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Lão khoa	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Dị ứng - miễn dịch lâm sàng	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

IX. PHƯƠNG PHÁP LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

1. Lượng giá/dánh giá kiến thức

- Thi trắc nghiệm khách quan; Viết chuyên đề; Tiêu luận

2. Lượng giá/dánh giá kỹ năng

- Thi trên bệnh nhân thật

- Thi vấn đáp có cấu trúc (Structured Oral Examination - SOE)

3. Ma trận các phương pháp lượng giá

Học phần	Phương pháp lượng giá/dánh giá						Tổng số phương pháp
	Trắc nghiệm khách quan	Viết chuyên đề/tiêu luận/dề cương	Thực hành trên máy vi tính	Thuyết trình	Thi trên bệnh nhân thật	Thi vấn đáp có cấu trúc	
Triết học		x					1
Phương pháp NCKH	x	x					2
Thống kê y sinh	x		x				2
Phương pháp giảng dạy	x			x			2
Hồi sức cấp cứu		x			x	x	3
Truyền nhiễm	x				x	x	3
Tim mạch		x			x	x	3
Hô hấp		x			x	x	3
Tiêu hóa		x			x	x	3
Nội tiết		x			x	x	3
Thận - tiết niệu		x			x	x	3
Cơ - xương - khớp		x			x	x	3
Huyết học lâm sàng		x			x	x	3
Thần kinh	x				x	x	3
Ung thư học	x				x	x	3
Chẩn đoán hình ảnh	x				x	x	3
Lão khoa		x			x	x	3
Dị ứng - miễn dịch lâm sàng		x			x		2

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Dạy học lý thuyết

- Học viên được cung cấp bản đề cương chi tiết các học phần để nắm rõ chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp lượng giá; nội dung, phương pháp học tập.
- Học viên được yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và viết các chuyên đề liên quan đến học phần.
- Học viên tham gia thảo luận nhóm trên giảng đường các ca lâm sàng liên quan đến nội dung kiến thức của học phần

2. Dạy học lâm sàng

- Học viên được chia nhóm thực hành lâm sàng tại các khoa lâm sàng thuộc hệ nội của bệnh viện thực hành, tham gia công tác thăm khám, điều trị, trực... để từng bước hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng

XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các CTĐT, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo:

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) (bắt buộc).
- Quyết định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc thạc sĩ trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.

Quyết định Ban hành khung chương trình và kế hoạch đào tạo sau đại học năm học 2021-2022 của trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.

PHỤ TRÁCH CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC

12. Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 7)

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra – Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:	
Kiến thức	
KT1	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
KT2	Kiến thức liên ngành có liên quan.
KT3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.
Kỹ năng	
KN1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;
KN2	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
KN3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
KN4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
KN5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
TC1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
TC2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
TC3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
TC4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN
*(Đính kèm sau trang này để cương chi tiết các học phần theo mẫu
PTCT_HPMU_BM01)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Triết học
Mã học phần:
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội
Loại học phần: X Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức: <input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: - Bộ môn LLCT - GV phụ trách: TS.GVC Trịnh Thị Thùy.
Email liên hệ: ttthuy@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0916626226

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	03	03	0	0	
Số tiết	135	45	0	0	90
Số buổi	09	09	0	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

- Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; cũng có cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOutCourse Learning OutCOMes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Kết thừa những kiến thức đã học được ở trình độ đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong Lịch sử triết học và trong Triết học Mác – Lê nin.	PLO1
CLO2	Giải thích được vai trò TGQ, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lê nin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ hiện đại gắn liền với các thành tựu mới của khoa học và công nghệ, với những vấn đề do thời đại và đất nước ta đặt ra.	PLO1
CLO3	Phân tích được các nội dung của Triết học Mác – Lê nin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	PLO1
CLO4	Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.	PLO1

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm,...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Tiểu luận
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

c. Lượng giá cuối kỳ

$$\text{Điểm TKHP} = CC*0,1 + GK*0,2 + KT*0,7.$$

CC: lượng giá chuyên cần

TLGK: lượng giá giữa kì (Tiểu luận)

KT: lượng giá kết thúc:

- Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Dánh giá	Sáng tạo	Tổng (%)
CLO1 (20%)	20%						20%
CLO2 (40%)		30%					40%
CLO3 (20%)				30%			20%
CLO4 (20%)			20%				20%
Tổng	20%	30%	20%	30%	0%	0%	100%

+ Thực hành: Không

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	PP dạy học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC I. Triết học là gì? II. Triết học phương Đông III. Triết học phương Tây hiện đại IV. Tư tưởng Triết học Việt Nam	15	0	30	CLO1; CLO4	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN I. Sự ra đời triết học Mác – Lê nin II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử IV. Triết học Mác – Lê nin trong giai đoạn hiện nay	15	0	30	CLO2; CLO3; CLO4	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC	10	0	20	CLO2; CLO3; CLO4	- Phương pháp thuyết trình

I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học				- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
CHƯƠNG 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI I. Ý thức khoa học II. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội III. Khoa học công nghệ ở Việt Nam	5	0	10	CLO2; CLO3; CLO4 - Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Nguyễn Văn Tài: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sỹ học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007.

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thùy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.S. Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

			động tự nghiên cứu	nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	hợp lý theo tiêu chí SMART
Tổng quan tài liệu (5-10 trang)					
CLO3, CLO7, CLO8	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham kảo
Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)					
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Có; rõ ràng; chính xác

1980-1981, the first year of the
CHAMPS project, we have

Figure 1.2.6.16. Results of

1980-1981, the first year of the CHAMPS project, we have
selected a sample of 1000 households in the city of
Khartoum, which is the capital of Sudan. The sample
is representative of the population of the city.
The results of the survey are presented below.

The survey was conducted in two phases. In the first phase, a sample of 1000 households was selected from the total population of the city. In the second phase, a sample of 500 households was selected from each of the 1000 households. The results of the survey are presented below.

The survey was conducted in two phases. In the first phase, a sample of 1000 households was selected from the total population of the city. In the second phase, a sample of 500 households was selected from each of the 1000 households. The results of the survey are presented below.

The survey was conducted in two phases. In the first phase, a sample of 1000 households was selected from the total population of the city. In the second phase, a sample of 500 households was selected from each of the 1000 households. The results of the survey are presented below.

The survey was conducted in two phases. In the first phase, a sample of 1000 households was selected from the total population of the city. In the second phase, a sample of 500 households was selected from each of the 1000 households. The results of the survey are presented below.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.
- Phòng thực hành/thí nghiệm

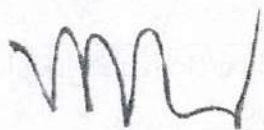
8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trịnh Thị Thủy

PHỤ TRÁCH CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học					
Mã học phần:					
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội					
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn					
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương		<input type="checkbox"/> Chuyên ngành		
	<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành.		<input type="checkbox"/> Tự chọn		
	<input type="checkbox"/> Ngành				
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học-Nghiên cứu khoa học					
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn					
Điện thoại liên hệ:					

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	
Số tiết	90	15	30	0	45
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Dịch tễ học, Xác suất thống kê, Tin học ứng dụng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.3. Mô tả chung

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

2.4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng được tiêu chí FINER, SMART và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu và thiết kế nghiên cứu phù hợp.	PLO2; PLO6
CLO2	Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để tính được cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu cụ thể và thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	PLO2; PLO6

CLO3	Lựa chọn được tài liệu tham khảo trích dẫn phù hợp	PLO2; PLO6; PLO7
CLO4	Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp	PLO2; PLO6
CLO5	Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một phương pháp thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể	PLO2; PLO6
CLO6	Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu	PLO2; PLO6
CLO7	Viết được đề cương nghiên cứu khoa học	PLO2; PLO6
CLO8	Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu)	PLO2; PLO6; PLO7
CLO9	Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu	PLO11

3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (LGTB)

* Hình thức: Viết đề cương

Hạn nộp đề cương: 2 tuần sau khi kết thúc học lý thuyết

* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO1	-	-	X	-
CLO2	-	-	X	-
CLO3	-	-	X	-
CLO4	-	-	X	-
CLO 5	-	-	X	-
CLO 6	-	-	X	-
CLO 7	-	-	X	-
CLO 8	-	-	X	-
CLO 9	-	-	X	-
Tổng			100%	

- Tiêu chí đánh giá đề cương: Rubric

Bảng Rubric lượng giá đề cương

CDR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thể thức					

CLO7	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đã được đưa ra và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày

Đặt vấn đề (1-1,5 trang)

CLO1, CLO7, CLO8	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng
	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không bắt đầu bằng	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ

			động tự nghiên cứu	nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	hợp lý theo tiêu chí SMART
Tổng quan tài liệu (5-10 trang)					
CLO3, CLO7, CLO8	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham kảo
Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)					
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Có; rõ ràng; chính xác

	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu-chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với NC	Có; phù hợp với mục tiêu NC
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu
	10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	3	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và cách khống chế sai số
	5	Xử lý-Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
	5	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết

Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị

CLO6, CLO7, CLO8	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả NC theo mục tiêu	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu
CLO7	2	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả NC
Lập kế hoạch nghiên cứu					
CLO7	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu: Thiết kế được biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch NC
Tài liệu tham khảo					
CLO7, CLO8, CLO9	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khai	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khai và trích dẫn đúng yêu cầu

3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: MCQ
- Thời gian thi: 40 phút
- Tổng số câu: 30 câu

Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1	-	-	6 câu	20%
CLO2	-	-	6 câu	20%
CLO4	-	-	5 câu	16%
CLO 5	-	-	5 câu	17%

CLO 6	-	-	5 câu	17%
CLO 9	-	-	3 câu	10%
Tổng			30 câu	100%

3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} * 0.5 + \text{LGCK} * 0.5.$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	<p>Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu. - LLO1: Áp dụng tiêu chí FINER để lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp. - LLO2: Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể 	1	4	4	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
2	<p>Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo 	1	4	4	CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
3	<p>Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp 	2	4	6	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
4	<p>Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán 	1	2	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm

	được cở mẫu cần thiết cho một NC cụ thể - LLO2: Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể				- Báo cáo bài tập nhóm
5	Thiết kế công cụ thu thập thông tin Mục tiêu: - LLO1: Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số - LLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chi số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	1	3	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9
6	Sai số và nhiễu Mục tiêu: - LLO1: Xác định được sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu - LLO2: Đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp cho nghiên cứu - LLO3: Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp không chế nhiễu trong NC	1	2	3	CLO4, CLO7, CLO8, CLO9
7	Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu Mục tiêu: - LLO1: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.	2	4	6	CLO5, CLO7, CLO8, CLO9
8	Đạo đức trong nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học - LLO2: Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học	2	0	4	CLO1 0
9	Trình bày kết quả nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC.	1	2	3	CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

						- Báo cáo bài tập nhóm
10	Lập kế hoạch nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể	1	4	4	CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
11	Cách viết đề cương nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu - LLO2: Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể	1	4	4	CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Khắc Minh (2016). Nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	ntthao@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn
4	Phạm Thanh Hải	Khoa Răng Hàm Mặt Trung tâm GDYH-NCKH	pthai@hpmu.edu.vn
5	Hoàng Đức Hạ	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Trung tâm GDYH-NCKH	hdha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

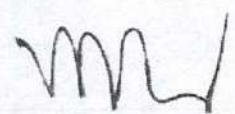
8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần



GS. TS. Phạm Minh Khuê

Phụ trách CTĐT



TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ Y SINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thống kê Y sinh					
Mã học phần:					
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội					
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn					
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương		<input type="checkbox"/> Chuyên ngành		
	<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành.		<input type="checkbox"/> Tự chọn		
	<input type="checkbox"/> Ngành				
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Nhóm Thống kê Y sinh - Khoa Y tế công cộng					
Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn					
Điện thoại liên hệ: 0913 513 654					

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	0	
Số tiết	45	15	60	0	60
Số buổi	15	3	12	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: PPNCKH
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khỏe cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

- Các khái niệm then chốt:
 - Quản lý và xử lý số liệu

- Thống kê mô tả
- Thống kê suy luận
- Ước lượng điểm, ước lượng khoảng
- Khoảng tin cậy
- Giá trị p
- Kiểm định giả thuyết thống kê
- Nhiều
- Cỡ mẫu

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản (các loại nghiên cứu quan sát, thực nghiệm)	PLO2
CLO2	Mô tả được quá trình chuẩn bị bộ số liệu, các nguyên tắc mã hoá số liệu	PLO2
CLO3	Giải thích được các loại hình thống kê mô tả thích hợp với các loại biến số, lập luận được lý do lựa chọn các thống kê mô tả phù hợp.	PLO2
CLO4	Giải thích được lý do cơ bản của việc dùng các phép tính toán của mỗi kiểm định thống kê suy luận.	PLO2
CLO5	Phân biệt được nhiều và việc sai lệch kết quả khi có nhiều.	PLO2
CLO6	Mô tả được cách tiếp cận thông thường để tính cỡ mẫu cần thiết cho một câu hỏi nghiên cứu.	PLO2
CLO7	Xây dựng được kế hoạch chuẩn bị bộ số liệu, làm sạch và quản lý số liệu trên phần mềm máy tính	PLO6; PLO7
CLO8	Tính toán và vẽ biểu đồ thị được các thống kê mô tả qua sử dụng phần mềm thống kê.	PLO6
CLO9	Chọn được kiểm định thống kê phù hợp để so sánh các kiểu dữ liệu khác nhau và phiên giải được các kết quả phân tích số liệu cho mỗi loại kiểm định	PLO6; PLO7
CLO10	Thực hiện được việc phân tích phân tầng và xây dựng mô hình đa biến đơn giản cho khử nhiễu.	PLO6; PLO7
CLO11	Thực hiện được tính cỡ mẫu cho một đề cương hoặc báo cáo nghiên cứu.	PLO6; PLO7
CLO12	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thống kê trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO10; PLO11
CLO13	Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật thống kê y sinh để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.	PLO10; PLO11

3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. **Lượng giá học phần gồm:** lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 15% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.
- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành

+ Lý thuyết: MCQ, 42 câu/60 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Chuẩn đầu ra	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng (Số câu)
CLO1 (16,6%)	7,1% (3 câu)	7,1% (3 câu)	2,4% (1 câu)	0% (0 câu)	16,6% (7 câu)
CLO2 (16,6%)	7,1% (3 câu)	7,1% (3 câu)	2,4% (1 câu)	0% (0 câu)	16,6% (7 câu)
CLO3 (16,6%)	7,1% (3 câu)	7,1% (3 câu)	2,4% (1 câu)	0% (0 câu)	16,6% (7 câu)
CLO4 (16,6%)	7,1% (3 câu)	7,1% (3 câu)	2,4% (1 câu)	0% (0 câu)	16,6% (7 câu)
CLO5 (16,6%)	7,1% (3 câu)	7,1% (3 câu)	2,4% (1 câu)	0% (0 câu)	16,6% (7 câu)
CLO6 (16,6%)	7,1% (3 câu)	7,1% (3 câu)	2,4% (1 câu)	0% (0 câu)	16,6% (7 câu)
Tổng (số câu)	42,9% (18 câu)	42,9% (18 câu)	14,2% (6 câu)	0% (0 câu)	100 % (42 câu)

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, cấu trúc đề thi theo ma trận sau :

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CDRHP7 (20%)	-	-	x	-
CDRHP8 (20%)	-	-	x	-
CDRHP9 (25%)	-	-	x	-
CDRHP10 (25%)	-	-	x	-
CDRHP11 (10%)			x	
Tổng (100%)	-	-	5	-

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.

- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT}^*1 + \text{TH}^*2)/3$$

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

4.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Thống kê và vai trò trong nghiên cứu và thực hành y sinh	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 2: Sơ lược các phương pháp nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 3: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 4: Quản lý số liệu bằng stata	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 6: Phân tích thống kê suy luận	3	0	6	CLO4	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 7: Nhiều và không chép nhiều	2	0	4	CLO5	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Tổng	15	0	30		

4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu dựa trên ước lượng do lường vấn đề nghiên cứu với độ chính xác nhất định	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 2: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu cho một số nghiên cứu dựa trên kiểm định giả thuyết hoặc chứng minh sự khác biệt có ý nghĩa	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 3: Quản lý số liệu	0	12	6	CLO7	Quan sát/Thực hành
Bài 4: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định lượng trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định tính trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 6: Phân tích thống kê mô tả- Vẽ đồ thị thống kê mô tả trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 7: Phân tích thống kê mô tả- Trình bày kết quả phân tích thống kê mô tả	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 8: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và và phiên giải kết quả các kiểm định trung bình	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 9: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và và phiên giải kết quả các kiểm định tỷ lệ	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 10: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và và phiên giải kết quả hồi quy logistic nhị phân	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành

Bài 11: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy đa biến	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 12: Nhiều và không chế nhiễu: Lập bảng 2x2 thô, xác định yếu tố nhiễu tiềm ẩn và phân tầng theo yếu tố nhiễu	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Bài 13: Nhiều và không chế nhiễu: Các tính toán hiệu chỉnh và phiên giải.	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Tổng	0	60	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.3. Tài liệu học tập

Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng/ Phạm Minh Khuê. Nhà xuất bản Y học, 2021.

5.4. Tài liệu tham khảo

- 1) Phương pháp nghiên cứu khoa học y học: Thống kê ứng dụng và phân tích số liệu / Hoàng Văn Minh. Nhà xuất bản Y học, 2014.
- 2) Thống kê và ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường ĐH và CĐ / Đặng Hùng Thắng. - Tái bản lần thứ 5. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2020.
- 3) Thống kê y tế công cộng. Phần phân tích số liệu: sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng / Phạm Việt Cường. Nhà xuất bản Y học, 2009.
- 4) Thống kê y tế công cộng: sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng / Lê Cự Linh. Nhà xuất bản Y học, 2009.
- 5) Biostatistics and epidemiology: Armen Khachatrian, M.D. McGraw - Hill: Health professions division, 1998.
- 6) Probabilités et statistiques biomédicales : Cahier du PCEM / J-P.Georgin. - Paris : Maloine, 1991.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

Phụ trách CTĐT

GS.TS. Phạm Minh Khuê

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	
Mã học phần: YHPP	
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> x Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Ban Phát triển Giảng viên - Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phòng 512, tầng 5 nhà A - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0983731209	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	77
Số buổi	10	4	6	0	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.5. Mô tả chung

Giảng dạy là một nhiệm vụ tất yếu của các Thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo Y tế như các Trường Đại học, Cao đẳng Y và các bệnh viện thực hành. Học phần “Phương pháp dạy học” đào tạo cho học viên khả năng thiết kế bài dạy học và thực hiện dạy học dựa trên năng lực Y khoa một cách hiệu quả, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

- Các khái niệm then chốt (nếu có):

- Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực
- Nguyên lý CLOnstructive alignment
- Mục tiêu đạt ABCD và SMART
- Thang Bloom, Dave, Krathword
- Chiến lược lượng giá
- Tính tin cậy, tính giá trị của phương pháp lượng giá
- MCQ hiệu quả
- 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả
- Tương tác hệ thống
- CBL
- Hoạt động dạy học tích cực

2.6. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	PLO9
CLO2	Vận dụng được kiến thức về 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	PLO9
CLO3	Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt	PLO9
CLO4	Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu và lượng giá	PLO9
CLO5	Viết được mục tiêu học tập tốt không giám sát	PLO9
CLO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT không giám sát	PLO9
CLO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực không giám sát	PLO9
CLO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp không giám sát	PLO9
CLO9	Tuân thủ nội qui lớp học	PLO10; PLO11
CLO10	Tôn trọng bạn đồng môn, thày cô	PLO10; PLO11
CLO11	Hoàn thành các bài tập đúng thời hạn	PLO10; PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá chuyên cần: điểm trình bày bài tập của học viên trên lớp

3.2 Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- o Điều kiện dự thi lý thuyết: tham dự >85% số tiết học trên lớp
- o Phương pháp: thi trắc nghiệm
- o Công cụ: 30 câu MCQ/ 20'
- o Chiến lược lượng giá

Chuẩn đầu ra	Mức độ			Tổng số câu
	Nhỏ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1 (13%)	6,5% (2 câu)	6,5% (2 câu)	0% (0 câu)	13% (4 câu)
CLO2 (13%)	3,2% (1 câu)	3,2% (1 câu)	6,5 % (2 câu)	13% (4 câu)
CLO3 (34%)	3,2 % (1 câu)	10% (3 câu)	20% (6 câu)	33% (10 câu)
CLO4 (40%)	6,5% (2 câu)	10% (3 câu)	24,5% (7 câu)	41% (12 câu)
Tổng số	20% (6 câu)	30 % (9 câu)	50% (15 câu)	100% (30 câu)

3.3 Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học:

- Phương pháp: thi thực hành đóng vai
- Công cụ: Rubric cho 1 bài giảng trong 20'
- Điều kiện đạt: 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá:

Chuẩn đầu ra	%	Bắt chước	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
LO5	10%			x	
LO6	6%			x	
LO7	81%			x	
LO8	3%			x	

3.4 Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360°, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - Di học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5
- Điều kiện đạt ; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra	PPDH
		LT	TH	Tự học		
1.	Chương 1: Giới thiệu môn học Bài 1. Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực.	2	0	3	CLO1	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi

	<p>1. Giải thích được lý do chuyên đổi sang GDYK dựa trên năng lực.</p> <p>2. Giải thích 4 đặc điểm của GDYK dựa trên năng lực.</p> <p>3. Giải thích sự khác biệt giữa GDYK dựa trên năng lực với dựa trên cấu trúc-quy trình.</p> <p>4. Giải thích 3 yếu tố quyết định để đạt được GDYK dựa trên năng lực</p> <p>5. Giải thích trình tự 6 bước xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực theo nguyên lý “CLOnstructive alignment”.</p>					(Thuyết trình + Thảo luận)
2.	<p>Chương 2: Mục tiêu học tập</p> <p>Bài 2: Mục tiêu học tập</p> <p>1. Giải thích được vai trò của viết mục tiêu học tập tốt trong giáo dục Y khoa</p> <p>2. Vận dụng được 6 mức độ của thang nhận thức, 5 mức độ của thang kỹ năng và thái độ để nhận diện được mức độ của mục tiêu học tập.</p> <p>3. Vận dụng được kiến thức về 4 thành phần A.B.C.D và 5 tiêu chí S.M.A.R.T để nhận diện được mục tiêu học tập tốt</p> <p>4. Viết được 3 mục tiêu cụ thể trong một bài giảng chuyên ngành</p>	2	4	9	CLO2 CLO2 CLO2 CLO5 CLO9, CLO10, CLO11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Động não/ Thảo luận)
3	<p>Chương 3. Lượng giá dựa trên năng lực</p> <p>Bài 3 Chiến lược lượng giá.</p> <p>1. Định nghĩa được chiến lược lượng giá</p> <p>2. Xác định các thành phần, các bước xây dựng chiến lược lượng giá</p> <p>3. Thiết kế được chiến lược lượng giá module, môn học.</p>	5	8	20		

	Bài 4 : Phương pháp và công cụ lượng giá. 1. Phân biệt lượng giá với đánh giá (khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa & mục đích). 2. Giải thích 2 tiêu chí của lượng giá dựa trên năng lực. 3. Xây dựng nội dung lượng giá theo test blue print. 4. Giải thích ưu-nhược điểm của các phương pháp lượng giá & biện pháp khắc phục. 5. Giải thích nguyên tắc chọn lựa phương pháp & công cụ lượng giá.	2	2	6	CLO3 CLO3 CLO6 CLO3 CLO3	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	Bài 5 : MCQ hiệu quả 1. Giải thích được tiêu chí của 3 thành phần trong câu hỏi MCQ 2. Áp dụng 10 nguyên tắc viết câu hỏi tốt, 11 lỗi thường gặp để nhận diện được câu hỏi MCQ tốt 3. Viết được 03 câu MCQ tốt phù hợp thang Bloom	2	4	9	CLO3 CLO3 CLO6, CLO9, CLO10, CLO11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
4.	Chương 4: Một số phương pháp/ hoạt động dạy học tích cực	5	14	28		
	Bài 6: Thuyết trình hiệu quả 1. Giải thích được ý nghĩa của 5 yếu tố thiết yếu giúp thuyết trình hiệu quả 2. Áp dụng 5 nguyên tắc thiết kế slide tốt và cải thiện kỹ năng thuyết trình để nhận diện một bài thuyết trình hiệu quả	1		2	CLO4 CLO4 CLO7, CLO9, CLO10, CLO11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	Bài 7: Hệ thống tương tác 1. Giải thích được ưu điểm của AIRS 2. Áp dụng AIRS để tạo bài giảng	0	4	6	CLO4 CLO7, CLO9, CLO10, CLO11	Dạy 1 kỹ năng

	Bài 8: Các phương pháp dạy học tích cực 1. Định nghĩa khái niệm dạy-học tích cực 2. Giải thích lý do phải dạy-học tích cực 3. Giải thích được ý nghĩa của 7 nguyên tắc dạy-học tích cực 4. Tổ chức được bài dạy học tích cực	4	10	21	CLO4 CLO4 CLO4 CLO7	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
5.	Chương 5: Kế hoạch bài dạy học 1. Vận dụng được kiến thức về thiết kế kế hoạch bài dạy học, để nhận diện được một kế hoạch bài dạy học 2. Xây dựng được một kế hoạch bài dạy học tốt	1	4	7.5	CLO4 CLO8, CLO9, CLO10, CLO11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
Tổng số		15	30	77		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.5. Tài liệu học tập

- 1) Trần Diệp Tuấn (2020). Giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực. Nxb Y học

5.6. Tài liệu tham khảo

- 1) Phạm Thị Minh Đức (2020). Sư phạm Y học Thực hành. Nxb Giáo dục Việt Nam

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng - Cố vấn chuyên môn Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- TS.BS Nguyễn Thị Phương Mai - Bộ môn Hoá sinh; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phụ trách học phần.
- TS.BS Đào Thu Hồng – Bộ môn Sinh lý; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- TS.BS Vũ Mạnh Tân - Bộ môn Nội; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- TS.BS Kê Thị Lan Anh - Bộ môn Nội; Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

Phụ trách CTĐT

TS. Nguyễn Thị Phương
Mai

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRUYỀN NHIỄM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Truyền nhiễm
Mã học phần:
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học nội khoa
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Truyền nhiễm
Email liên hệ:
Điện thoại liên hệ:

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	0	1	0
Số tiết	90	15	0	45	30
Số buổi	18	3	0	9	6

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Truyền nhiễm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức hỗ trợ, cung cấp cho học viên cao học chuyên ngành Nội khoa các kiến thức cơ bản về: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, nguyên tắc điều trị và phòng bệnh các bệnh truyền nhiễm; từ đó có thể phát hiện sớm và đưa ra các hướng chẩn đoán và phương pháp xử trí, điều trị cơ bản bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm, thực hiện các quy trình an toàn trong chăm sóc người bệnh và phòng chống lây nhiễm, có kiến thức để phát hiện sớm và tham gia kiểm soát các dịch bệnh lây truyền tại địa phương. Học viên được thực hành trực tiếp khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm tại các cơ sở thực hành.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý truyền nhiễm thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý truyền nhiễm thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu truyền nhiễm thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh truyền nhiễm thường gặp.	PLO1.
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý truyền nhiễm thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp.	PLO4.
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu truyền nhiễm thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý truyền nhiễm nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5.
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề truyền nhiễm thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8.
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9.
CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10.

CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11.
-------------	--	---------------

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bằng kiêm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- **Mã trận lượng giá lâm sàng**

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO1 (50%)			x	
CLO2 (20%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (5%)			x	
CLO6 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ:** Là bài thi trắc nghiệm gồm 20 câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ) trong thời gian 30 phút.

- **Mã trận lượng giá lý thuyết**

Chuẩn đầu ra	Mức độ			Tổng số câu
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1 (100%)	0% (0 câu)	0% (0 câu)	100% (20 câu)	100% (20 câu)

Tổng số	0% (0 câu)	0% (0 câu)	100% (20 câu)	100% (20 câu)
---------	------------	------------	---------------	---------------

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt: điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Bệnh Nhiễm trùng HIV/AIDS 1. Dịch tễ 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán giai đoạn 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị 6. Phòng bệnh	3	9	6	CLO1,2,3	Thuyết trình Thảo luận nhóm Thực hành trên mô hình mô phỏng Cầm tay chỉ việc
Bài 2: Bệnh Viêm gan do virus 1. Dịch tễ 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị 6. Phòng bệnh	3	9	6	CLO1-8	Thuyết trình Thảo luận nhóm Học trên ca bệnh Các phương pháp dạy học bên giường bệnh

Bài 3: Bệnh Sốt xuất huyết Dengue 1. Đại cương 2. Dịch tễ. 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng. 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 5.3. Chẩn đoán mức độ 6. Biến chứng 7. Điều trị: 7.1. Nguyên tắc, mục tiêu điều trị 7.2 Phân cấp điều trị 7.3. Theo dõi, đánh giá bệnh nhân 8. Phòng bệnh	2	6	3	CLO1-8	Thuyết trình Thảo luận nhóm Học trên ca bệnh Các phương pháp dạy học bên giường bệnh
Bài 4: Nhiễm khuẩn huyết 1. Đại cương 2. Dịch tễ nhiễm khuẩn huyết 3. Lâm sàng, cận lâm sàng nhiễm khuẩn huyết 3.1. Đặc điểm lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.3. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị cụ thể 6. Phòng bệnh	3	9	6	CLO1-8	Thuyết trình Thảo luận nhóm Học trên ca bệnh Các phương pháp dạy học bên giường bệnh
Bài 5: Bệnh uốn ván 1. Dịch tễ 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt	2	6	3	CLO1-8	Thuyết trình Thảo luận nhóm Học trên ca bệnh Các phương pháp dạy học bên giường bệnh

4.3. Chẩn đoán mức độ 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị cụ thể 6. Phòng bệnh					
Bài 6: Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị các bệnh truyền nhiễm 1. Đại cương 2. Các nhóm kháng sinh 3. Chỉ định kháng sinh 4. Hướng dẫn sử dụng kháng sinh 5. Kháng kháng sinh	2	6	3	CLO1-8	Thuyết trình Thảo luận nhóm Học trên ca bệnh Các phương pháp dạy học bên giường bệnh
Tổng	15	45	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Bài giảng bệnh học truyền nhiễm, lưu hành nội bộ. Bộ môn Truyền Nhiễm, trường đại học Y Dược Hải Phòng.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Học Viện Quân Y (2016). Bệnh học Truyền Nhiễm. Bài giảng dành cho đối tượng sau đại học.
2. Bộ môn Truyền Nhiễm trường Đại Học Y Hà Nội. 2011. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm. Nhà xuất bản y học.
3. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 6th edition.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Vũ Hải Vinh	Khoa Bệnh nhiệt đới CS2	vinhvuhai@gmail.com	0984777003
2	TS.BS. Trần Thị Liên	Bộ môn Truyền nhiễm	ttlien@hpmu.edu.vn	0912926983
3	TS. Nghiêm Xuân Hoàn	BV TUQĐ 108	nghiemxuanhoan@mail.com	0984986158
4	TS. Ngô Anh Thé	Khoa Bệnh nhiệt đới CS1	anhthe07@gmail.com	0902210218
5	ThS. Phạm Thị Vân Anh	Bộ môn Truyền nhiễm	ptvanh@hpmu.edu.vn	0903208598
6	ThS. Nguyễn Văn Hoàn	Bộ môn Truyền nhiễm	nvhoan@hpmu.edu.vn	0918129285
7	ThS. Hoàng Thị Thίa	Bộ môn Truyền nhiễm	htthia@hpmu.edu.vn	0799238885

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa Bệnh nhiệt đới bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Trần Thị Liên

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Hồi sức cấp cứu		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội		
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	[X] Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội		
Email liên hệ:		
Điện thoại liên hệ:		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	2	0	2	
Số tiết	120	30	0	90	30
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Hồi sức cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên cao học Nội kiến thức chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý cấp cứu thông thường thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này giúp học viên cao học Nội rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh lý cấp thông thường thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý cấp cứu thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý cấp cứu thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam,

phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO4. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO5. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý cấp cứu thường gặp.	PLO5
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý cấp cứu thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO5
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh tim cấp cứu thường gặp.	PLO5
CLO4	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9
CLO5	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO6	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.2. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không

hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hồi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sỹ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO1 (50%)			x	
CLO2 (20%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (5%)			x	
CLO6 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách. Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ từ Tiến sỹ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Các nguyên lý cơ bản trong Hồi sức cấp cứu 1. Khai thông đường thở 2. Hỗ trợ trao đổi khí 3. Kiểm soát huyết động 4. Chống phù não và tăng ALNS 5. Xử trí theo nguyên nhân 6. Các biện pháp chung	3	9	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Chẩn đoán và xử trí Suy hô hấp cấp 1. Xác định, phân loại suy hô hấp cấp 2. Nguyên nhân suy hô hấp cấp 3. Xử trí suy hô hấp cấp	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 3: Cấp cứu ngừng tuần hoàn 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Cấp cứu ngừng tuần hoàn	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 4: Chẩn đoán và xử trí sốc 1. Đại cương 2. Chẩn đoán, phân loại sốc 3. Xử trí sốc	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Chẩn đoán, xử trí suy thận cấp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ, giai đoạn 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.4. Chẩn đoán phân biệt	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

5. Điều trị					
Bài 6: Rối loạn nước - điện giải, thăng bằng kiềm toan 1. Đại cương 2. Rối loạn natri 3. Rối loạn Kali 4. Toan hô hấp 5. Toan chuyển hóa 6. Kiềm hô hấp 7. Kiềm chuyển hóa	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 7: Chẩn đoán và chăm sóc bệnh nhân hôn mê 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 8: Chẩn đoán và xử trí ngộ độc cấp 1. Nguyên tắc chung 2. Tăng cường thải loại và hạn chế hấp thu 3. Điều trị đặc hiệu	4	12	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Tổng	30	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ Y tế (2015). *Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí Hồi sức tích cực*. Quyết định số 1493/QĐ-BYT.

2. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa*. Nhà xuất bản Y Học.

3. Vũ Văn Đính và cộng sự (2019), *Hồi sức cấp cứu toàn tập*. Nhà xuất bản Y học

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2014). *Quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức- Cấp cứu và Chống độc*. Quyết định số 1904/QĐ-BYT.

2. Marin Kollef, MD (2014). *Hồi sức cấp cứu tiếp cận theo các phác đồ*. Nhà xuất bản Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Dung	Bộ môn Nội	nguyendungprof@gmail.com	0913012931
2	TS.BS. Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội	vmtan@hpmu.edu.vn	0905183839
3	TS. Trần Song Giang	Bệnh viện Bạch Mai		0939038785

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa nội tim mạch bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa thăm dò chức năng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Vũ Mạnh Tân

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIM MẠCH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Tim mạch	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội	
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương [X] Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	5	2	0	3	
Số tiết	165	30	0	135	60
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Tim mạch thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên cao học Nội kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý tim mạch thông thường thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này giúp học viên cao học Nội rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh tim mạch thông thường thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý tim mạch thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý tim mạch thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt

Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu Tim mạch thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh tim mạch thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý tim mạch thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh tim mạch thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu Tim mạch thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý tim mạch nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề tim mạch thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật: hệ số 0,9.** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ từ Tiến sĩ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu

phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Các phương pháp cận lâm sàng thăm dò chức năng và hình thái hệ tim mạch 1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ gan mật. 2. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò hình thái hệ tim mạch 3. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò chức năng hệ tim mạch	4	18	8	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Tăng huyết áp 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ/giai đoạn 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 4.4. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	4	18	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 3: Hội chứng vành cấp 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7;

3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán thể 4.2. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị					PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 4: Hội chứng vành mạn 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán thể 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Suy tim 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ, giai đoạn 4.4. Chẩn đoán biến thể 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.5. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh/giai đoạn	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 6: Bệnh van hai lá 1. Đại cương 2. Nguyên nhân	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7;

3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.4. Chẩn đoán biến chứng 4.5. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh					PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 7: Bệnh van động mạch chủ 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.4. Chẩn đoán biến chứng 4.5. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 8: Rối loạn nhịp tim 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo loại rối loạn nhịp 5.2. Điều trị nguyên nhân	4	13.5	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

Bài 9: Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 4.4. Chẩn đoán biến chứng 6. Điều trị 6.1. Nguyên tắc điều trị 6.2. Điều trị nguyên nhân 6.3. Điều trị triệu chứng 6.4. Điều trị biến chứng và dự phòng biến chứng					
Tổng	30	135	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Nguyễn Thị Dung, Đỗ Thị Tính (2018). *Bệnh học Nội khoa tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
- Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 1*. Nhà xuất bản Y học.
- Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa*, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

4. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa, Bệnh viện Bạch Mai*. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Lương Ngọc Khuê, Nguyễn Lan Việt, Phạm Nguyễn Vinh, Phạm Mạnh Hùng và cs (2022), *Hướng dẫn điều trị suy tim cấp và mạn tính*, Ban hành kèm theo Quyết định số 1857/QĐ-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2. Lương Ngọc Khuê, Nguyễn Lan Việt, Phạm Mạnh Hùng và cs (2020), *Hướng dẫn điều trị bệnh động mạch vành*, Ban hành kèm theo Quyết định số 5332/QĐ-BYT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
3. Bonow R.O., Mann D.L., Zipes D.P., et al. (2015), *Braunwald's Heart Disease. A Textbook of Cardiovascular Medicine*, 10th, Elsevier Saunders, Philadelphia

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Dung	Bộ môn Nội	nguyendungprof@gmail.com	0913012931
2	TS.BS. Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội	vmtan@hpmu.edu.vn	0905183839
3	TS. Trần Song Giang	Bệnh viện Bạch Mai		0939038785

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa nội tim mạch bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa thăm dò chức năng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Vũ Mạnh Tân

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÔ HẤP

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Hô hấp					
Mã học phần:					
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội					
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn					
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương		[X] Chuyên ngành		
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.		<input type="checkbox"/> Tự chọn		
	<input type="checkbox"/> Ngành				
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội					
Email liên hệ: ltdhien@hpmu.edu.vn					
Điện thoại liên hệ: 0904087929					

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	0	3	
Số tiết	165	30	0	135	60
Số buổi		7 buổi			

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Hô hấp thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên cao học Nội kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý hô hấp thông thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này giúp học viên cao học Nội rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh hô hấp thông thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý hô hấp thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý hô hấp thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam,

phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh hô hấp thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý hô hấp thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh hô hấp thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu Hô hấp thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyên tuyến kịp thời bệnh lý hô hấp nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề hô hấp thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Điểm chuyên cần: hệ số 0,1.** Mỗi buổi nghỉ học không lý do, không hoàn thành nhiệm học bị trừ 10% điểm chuyên cần.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ

từ Tiến sỹ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Các phương pháp cận lâm sàng thăm dò hình thái hệ hô hấp 1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ hô hấp. 2. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết quả chẩn đoán hình ảnh hệ hô hấp 3. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả nội soi phế quản	3	13.5	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Các phương pháp cận lâm sàng thăm dò chức năng hệ hô hấp 1. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết test phục hồi phế quản, test kích thích phế quản 2. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả đo chức năng hô hấp	3	13.5	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 3: Viêm phổi cộng đồng 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

4.2. Chẩn đoán mức độ/giai đoạn 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 4.4. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị					
Bài 4: Áp xe phổi 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán thê 4.2. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Hen phế quản 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.2. Chẩn đoán giai đoạn 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 6: Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính 1. Đại cương 2. Yếu tố nguy cơ 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán đợt cấp	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

4.4. Chẩn đoán mức độ, giai đoạn 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.5. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh/giai đoạn					
Bài 7: Giãn phế quản 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.4. Chẩn đoán biến chứng 4.5. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 8: Bệnh lý màng phổi 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.3. Chẩn đoán phân biệt 4.4. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 9: Tim phổi mạn 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị nguyên nhân					
Bài 10: Thuốc và các biện pháp điều trị bệnh hô hấp 1. Sử dụng kháng sinh 2. Sử dụng thuốc giãn phế quản 3. Sử dụng corticoid 4. Sử dụng thuốc giảm ho long đờm 5. Điều trị 5.1. Oxy liệu pháp 6.2. Khí dung 6.3. Tập thở	3	13.5	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Tổng	30	165	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điều trị

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Thị Dung, Phạm Văn Nhiên (2018). *Bệnh học Nội khoa tập 1*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
2. Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 1*. Nhà xuất bản y học.
3. Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa, Bệnh viện Bạch Mai*. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thành (2015). *Thực hành Xquang ngực*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
2. Hemant Godara (2015). *Cẩm nang điều trị Nội khoa* (sách dịch), Nhà xuất bản y học.
3. Đỗ Quyết (2014). *Các kỹ thuật xâm nhập trong chẩn đoán và điều trị bệnh hô hấp* – Nhà xuất bản y học
4. Bộ y tế (2017). Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nội khoa chuyên ngành Hô hấp. Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

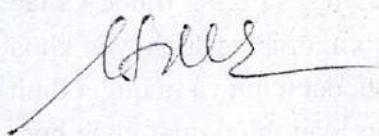
TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hồi	Bệnh viện Da khoa Quốc tế	hoinguyenthanhbm@gmail.com	0989778868
2	TS.BS. Lê Thị Diệu Hiền	Bộ môn Nội	lthieu@hpmu.edu.vn	0904087929
3	PGS.TS. Đặng Hùng Minh	Bệnh viện Bạch Mai	minhdanghung@yahoo.com	0975838668

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa nội tim mạch bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp, Khoa thăm dò chức năng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

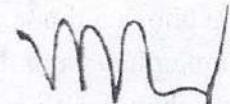
8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần



TS. Lê Thị Diệu Hiền

Phụ trách CTĐT



TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIÊU HÓA

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Nội tiêu hóa		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học nội khoa		
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	[X] Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội		
Email liên hệ:		
Điện thoại liên hệ:		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	0	2	
Số tiết	120	30	0	90	60
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần nội tiêu hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng về vai trò của bác sĩ trong chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc bệnh lý tiêu hóa; kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, sử dụng thuốc và tác dụng phụ của thuốc trong điều trị bệnh. Học phần này hỗ trợ người bác sĩ chuyên khoa phương pháp và tư duy trong thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học. Vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh tại cộng đồng một cách an toàn, hiệu quả.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý tiêu hóa thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý tiêu hóa thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam,

phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu nội tiêu hóa thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh tiêu hóa thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý tiêu hóa thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh tiêu hóa thường gặp.	PLO4.
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu nội tiêu hóa thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý tiêu hóa nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề tiêu hóa thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8.
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9.

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10.
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Điểm chuyên cần: hệ số 0,1.** Mỗi buổi nghỉ học không lý do, không hoàn thành nhiệm vụ trực, chuẩn bị học bị trừ 10% điểm chuyên cần

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật: hệ số 0,9.** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bằng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9. Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ từ Tiến sỹ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Các phương pháp cận lâm sàng thăm dò chức năng và hình thái hệ tiêu hóa 1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ gan mật. 2. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò hình thái hệ tiêu hóa 3. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò chức năng hệ tiêu hóa	3	9	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Bệnh lý trào ngược dạ dày thực quản và rối loạn chức năng tiêu hóa trên 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

Bài 3: Viêm dạ dày cấp, mạn tính 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân. 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng. 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Biến chứng 7. Điều trị: 7.1. Nguyên tắc, mục tiêu điều trị 7.2. Các nhóm thuốc điều trị	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 4: Xuất huyết tiêu hóa trên do không do tăng áp lực tĩnh mạch cửa 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 2.1. Chẩn đoán xác định 2.2. Chẩn đoán mức độ XHTH và nguy cơ chảy máu tái phát. 2.3. Chẩn đoán phân biệt 3. Điều trị 3.1. Nguyên tắc điều trị 3.2. Điều trị cụ thể 3.2.1. Hồi sức 3.2.2. Các thủ thuật cầm máu 3.2.3. Các nhóm thuốc điều trị 3.2.4. Điều trị ngoại khoa	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Hội chứng ruột kích thích và các rối loạn chức năng tiêu hóa dưới 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị không dùng thuốc 5.3. Các nhóm thuốc điều trị					
Bài 6: Bệnh lý ruột viêm 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Biến chứng 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 7: Viêm tuy cấp, mạn 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.4. Chẩn đoán biến chứng 4.5. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 8: Viêm gan mạn tính 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

5.2. Điều trị nguyên nhân					
6. Phòng bệnh					
Bài 9: Xơ gan và các biến chứng	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Đại cương					
2. Nguyên nhân					
3. Triệu chứng					
3.1. Lâm sàng					
3.2. Cận lâm sàng					
4. Chẩn đoán					
4.1. Chẩn đoán xác định					
4.2. Chẩn đoán phân biệt					
4.3. Chẩn đoán biến chứng					
- Xuất huyết tiêu hóa do tăng áp lực tĩnh mạch cửa					
- Viêm màng bụng tiên phát					
- Bệnh não gan					
- Hội chứng gan thận					
- K hóa					
5. Tiên lượng					
6. Điều trị					
6.1. Nguyên tắc điều trị					
6.2. Điều trị nguyên nhân					
6.3. Điều trị triệu chứng					
6.4. Điều trị biến chứng và dự phòng biến chứng					
6.5. Ghép gan					
Tổng	30	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điều trị

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

1. Nguyễn Thị Dung, Đỗ Thị Tính (2018), *Bệnh học nội khoa*, tập 2, tái bản lần thứ 3, NXB Y học, Hà Nội, 2018.
2. Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 2*. Nhà xuất bản Y học.
3. Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa*, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật nội khoa chuyên ngành tiêu hóa: Ban hành kèm theo Quyết định số 3805/QĐ-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - Tái bản lần thứ 1. NXB Y học, 2017.
5. Mai Hồng Bàng (2016), Giáo trình bệnh học nội tiêu hóa: Dành cho đào tạo sau đại học NXB Y học, 2016

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hemant Godara (2015.) *Cẩm nang điều trị Nội khoa*. Nhà xuất bản y học
2. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa*, Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai. Nhà xuất bản y học.
3. Nguyễn Khánh Trạch (2016), *Nội soi tiêu hóa*, Nhà xuất bản y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Phạm Văn Nhiên	Bộ môn Nội	pvnhiem@hpmu.edu.vn	0912029112
2	TS.BS. Vũ Thị Thu Trang	Bộ môn Nội	vtttrang@hpmu.edu.vn	0985850924
3	PGS.TS. Lê Văn Thiệu	Khoa thăm dò chức năng – Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	thieulv@gmail.com	0912500164
4	TS. BS. Đặng Chiều Dương	Khoa Nội tiêu hóa- Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	dcduongvt@gmail.com	0912969970

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa nội tiêu hóa bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp, Khoa thăm dò chức năng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Vũ Thị Thu Trang

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẬN-TIẾT NIỆU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thận – tiết niệu	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học nội khoa	
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	0	2	
Số tiết	120	30	0	90	60
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần thận – tiết niệu thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên học viên cao học Nội khoa kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý thận – tiết niệu thông thường thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này hỗ trợ bác sĩ chuyên khoa rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh lý thận – tiết niệu thông thường thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý thận – tiết niệu thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý thận – tiết niệu thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt

Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu thận – tiết niệu thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý thận – tiết niệu thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý thận – tiết niệu thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh lý thận – tiết niệu thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu bệnh lý thận – tiết niệu thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý thận – tiết niệu nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề liên quan bệnh thận – tiết niệu thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bẳng kiêm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sỹ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ từ Tiến sỹ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu

phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Tổng quan bệnh thận 1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ thận – tiết niệu. 2. Phân loại bệnh thận	3	9	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Các phương pháp thăm dò hình thái và chức năng thận 1. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò hình thái hệ thận – tiết niệu 2. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò chức năng hệ thận – tiết niệu	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 3: Tồn thương thận cấp 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân. 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng. 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Biến chứng 7. Điều trị: 7.1. Nguyên tắc, mục tiêu điều trị 7.2. Điều trị cụ thể	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

Bài 4: Tồn thương thận mạn tính 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân. 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng. 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán mức độ 5.3. Chẩn đoán phân biệt 6. Biến chứng 7. Điều trị: 7.1. Nguyên tắc, mục tiêu điều trị 7.2. Điều trị cụ thể	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Nhiễm khuẩn tiết niệu 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị không dùng thuốc 5.3. Các nhóm thuốc điều trị	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 6: Bệnh lý cầu thận 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân. 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng. 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Biến chứng 7. Điều trị: 7.1. Nguyên tắc, mục tiêu điều trị 7.2. Điều trị cụ thể	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

Bài 7: Các phương pháp điều trị thay thế thận 1. Đại cương 2. Lọc màng bụng 3. Thận nhân tạo 4. Ghép thận	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 8: Sử dụng thuốc trong bệnh thận 1. Nguyên lý chung về dược lực học của thuốc 2. Thuốc cho bệnh nhân có rối loạn chức năng thận 3. Liều kháng sinh ở bệnh nhân có rối loạn chức năng thận	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 9: Dinh dưỡng và điều trị thiếu máu trong bệnh thận 1. Đại cương 2. Dinh dưỡng trong bệnh thận 3. Điều trị thiếu máu trong bệnh thận	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Tổng	30	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng diêm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Nguyễn Thị Dung, Phạm Văn Nhiên (2018). *Bệnh học Nội khoa tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
- Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 1*. Nhà xuất bản Y học.
- Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa*, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

4. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa*, Bệnh viện Bạch Mai. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2015). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh về thận tiết niệu*.
2. Hemant Godara (2015). *Cẩm nang điều trị Nội khoa* (sách dịch), NXB Y Học
3. Trần Văn Chất (2008). *Bệnh thận*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Hội tiết niệu – thận học Việt Nam (2007). *Bệnh học tiết niệu*, Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	TS Kê Thị Lan Anh	Bộ môn Nội	ktlanh@hpmu.edu.vn	0906084336
2	BSCKII Lê Khắc Dương	Khoa thận nhân tạo – Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Lekhaeduong.11.127hosen@gmail.com	0913379349
3	BSCKII Bùi Thị Thu Hằng	Khoa thận nhân tạo – Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	hangtmt@gmail.com	0916798199
4.	PGS.TS Hoàng Đức Hạ	Khoa chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.	hdha@hpmu.edu.vn	
5.	PGS.TS Đỗ Thị Tính	Bộ môn Nội	dttinh@hpmu.edu.vn	0912359607

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa thận – nội tiết bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Kê Thị Lan Anh

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIẾT

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Nội tiết		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học nội khoa		
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	[X] Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội		
Email liên hệ:		
Điện thoại liên hệ:		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	0	2	
Số tiết	120	30	0	90	60
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần nội nội tiết thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên học viên cao học Nội khoa kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý nội tiết thông thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này hỗ trợ bác sĩ chuyên khoa rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh lý nội tiết thông thường thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý nội tiết thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý nội tiết thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam,

phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu nội tiết thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý nội tiết thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý nội tiết thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nội tiết thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu bệnh lý nội tiết thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý nội tiết nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề liên quan bệnh nội tiết thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- **Mã trận lượng giá lâm sàng**

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ từ Tiến sĩ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu

phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Tổng quan các bệnh hệ nội tiết 1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ nội tiết. 2. Phân loại bệnh nội tiết	3	9	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Các thăm dò chẩn đoán hình ảnh trong bệnh lý nội tiết 1. Nguyên lý chung các phương pháp thăm dò hình thái hệ nội tiết 2. Cách tiến hành các phương pháp thăm dò hình thái hệ nội tiết 3. Đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò hình thái hệ nội tiết	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 3: Các phương pháp thăm dò chức năng bệnh lý nội tiết 1. Nguyên lý chung các phương pháp thăm dò chức năng hệ nội tiết 2. Cách tiến hành các phương pháp thăm dò chức năng hệ nội tiết 3. Đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò chức năng hệ nội tiết	3	9	6		PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 4: Đái tháo đường 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán typ	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

3.3. Chẩn đoán biến chứng 4. Điều trị 4.1. Nguyên tắc điều trị 4.2. Điều trị cụ thể 5. Tiên lượng 6. Phòng bệnh					
Bài 5: Các bệnh lý tuyễn giáp 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị 5.3. Các nhóm thuốc điều trị nội khoa	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 6: Suy thượng thận cấp, mạn 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	4	12	8	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 7: Suy tuyễn yên 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán biến chứng 6. Điều trị	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

7. Phòng bệnh					
Bài 8: Đái tháo nhạt 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 5. Điều trị 6. Tiêu lượng	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 9: Bệnh cushing và hội chứng cushing 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 6. Tiêu lượng	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Tổng	30	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng đi khám bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Thị Dung, Đỗ Thị Tính (2018). *Bệnh học Nội khoa tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 1*. Nhà xuất bản Y học.
3. Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa*, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa*, Bệnh viện Bạch Mai. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hemant Godara (2015). *Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch)* -. NXB Y Học
2. Thái Hồng Quang (2008). *Bệnh Nội tiết*. Nhà xuất bản Y học.
3. Đỗ Trung Quân (2011). *Bệnh nội tiết chuyển hóa: dùng cho bác sĩ và học viên sau đại học*, NXB Giáo dục.
4. Bộ Y tế (2015). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội tiết- chuyển hóa*.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1.	TS Kê Thị Lan Anh	Bộ môn Nội	ktlanh@hpmu.edu.vn	0906084336
2.	TS Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội	vmtan@hpmu.edu.vn	0905183839
3.	PGS.TS Hoàng Đức Hạ	Khoa chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.	hdha@hpmu.edu.vn	
4.	PGS.TS Đỗ Thị Tính	Bộ môn Nội	dttinh@hpmu.edu.vn	0912359607

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa thận – nội tiết bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Kê Thị Lan Anh

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CƠ XƯƠNG KHỚP

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Cơ xương khớp					
Mã học phần:					
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội					
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn					
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương		[X] Chuyên ngành		
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.		<input type="checkbox"/> Tự chọn		
	<input type="checkbox"/> Ngành				
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội					
Email liên hệ: ltdhien@hpmu.edu.vn					
Điện thoại liên hệ: 0904087929					

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	0	2	
Số tiết	120	30	0	90	60
Số buổi		7 buổi		25 buổi	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Cơ xương khớp thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên cao học Nội kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý cơ xương khớp thông thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này giúp học viên cao học Nội rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh cơ xương khớp thông thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý cơ xương khớp thông thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý cơ xương khớp thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật

Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh cơ xương khớp thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý cơ xương khớp thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh cơ xương khớp thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu Cơ xương khớp thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý cơ xương khớp nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề cơ xương khớp thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bằng kiêm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ:** là bài thi trắc nghiệm gồm 30 câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ) trong thời gian 40 phút

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ

từ Tiến sỹ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Các phương pháp cận lâm sàng thăm dò hình thái hệ cơ xương khớp 1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ hô hấp. 2. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết quả chẩn đoán hình ảnh hệ hô hấp 3. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả nội soi khớp	3	09	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Tổng quan bệnh lý cơ xương khớp và các phương pháp thăm dò chức năng hệ cơ xương khớp 1. Tổng quan bệnh lý cơ xương khớp 2. Các phương pháp thăm dò chức năng hệ cơ xương khớp	3	09	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 3: Viêm khớp dạng thấp 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ/giai đoạn	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 4.4. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị					
Bài 4: Tháo hóa khớp 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Gút 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.2. Chẩn đoán giai đoạn 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 6: Viêm cột sống dính khớp 1. Đại cương 2. Yếu tố nguy cơ 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán đợt cấp 4.3. Chẩn đoán mức độ, giai đoạn 4.4. Chẩn đoán nguyên nhân. 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

5.2. Điều trị theo thể bệnh/giai đoạn					
Bài 7: Loãng xương 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán mức độ 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân. 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 8: Viêm khớp, viêm cơ nhiễm khuẩn 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán nguyên nhân. 4.3. Chẩn đoán phân biệt 4.4. Chẩn đoán biến chứng 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị theo thể bệnh	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 9: Viêm da và viêm da cơ 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.3. Chẩn đoán nguyên nhân 5. Điều trị 5.1. Điều trị chung 5.2. Điều trị nguyên nhân	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

Bài 10: Bệnh lý nhược cơ	3	09	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Định nghĩa					
2. Nguyên nhân					
3. Triệu chứng					
3.1. Lâm sàng					
3.2. Cận lâm sàng					
4. Chẩn đoán					
4.1. Chẩn đoán xác định					
4.3. Chẩn đoán nguyên nhân					
5. Điều trị					
5.1. Điều trị chung					
5.2. Điều trị nguyên nhân					
Tổng	30	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điều trị

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Thị Dung, Phạm Văn Nhiên (2018). *Bệnh học Nội khoa tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 1*. Nhà xuất bản Y học.
3. Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa*, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa*, Bệnh viện Bạch Mai. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hemant Godara (2015). *Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch)*, NXB Y Học
2. Bộ Y tế (2016). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh lý cơ xương khớp*. Nhà xuất bản Y học.

3. Nguyễn Thị Ngọc Lan (2019). *Bệnh học cơ xương khớp nội khoa (sau đại học)*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Nguyễn Mai Hồng	Bệnh viện Bạch Mai		0988068915
2	TS.BS. Hoàng Văn Dũng	Bệnh viện Đa khoa quốc tế	dungnoitru26@gmai.com	0988205703
3	TS.BS. Lê Thị Diệu Hiền	Bộ môn Nội	lthieu@hpmu.edu.vn	0904087929

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa nội tim mạch bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp, Khoa thăm dò chức năng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

Phụ trách CTĐT

TS. Lê Thị Diệu Hiền

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thần kinh		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học nội khoa		
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Thần kinh		
Email liên hệ: Luong_tk10@live.com		
Điện thoại liên hệ: 0912 924 928		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	0	2	
Số tiết	180	30	0	90	60
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần nội thần kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên học viên cao học Nội khoa kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý thần kinh thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, phương pháp điều trị, các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này hỗ trợ bác sĩ chuyên khoa rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh thần kinh thông thường thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý thần kinh thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý thần kinh thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt

Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu thần kinh thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý thần kinh thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý thần kinh thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh thần kinh thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu nội tiêu hóa thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý thần kinh nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề tiêu hóa thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ:** là bài thi trắc nghiệm gồm 30 câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ) trong thời gian 40 phút

- Ma trận lượng giá lý thuyết

Chuẩn đầu ra	Mức độ			Tổng số câu
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1 (100%)	0% (0 câu)	0% (0 câu)	100% (30 câu)	100% (30 câu)
Tổng số	0% (0 câu)	0% (0 câu)	100% (30 câu)	100% (30 câu)

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Các phương pháp thăm khám hệ thần kinh	3	9	6		PP1; PP2; PP3; PP5
1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh. 2. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò hình ảnh hệ thần kinh 3. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò chức năng hệ thần kinh					
Bài 2: Các phương pháp cận lâm sàng thăm dò chức năng và hình ảnh hệ thần kinh	3	9	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh. 2. Nguyên lý, cách tiến hành và đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò hình ảnh hệ thần kinh 3. Nguyên lý, cách tiến hành, đánh giá kết quả các phương pháp thăm dò chức năng hệ thần kinh					
Bài 3: Bệnh lý tai biến mạch máu não	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng					

3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị					
Bài 3: Bệnh lý tổn thương tủy sống và đám rối thần kinh: Thoát vị đĩa đệm cột sống. 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân. 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng. 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Biến chứng 7. Điều trị: 7.1. Nguyên tắc, mục tiêu điều trị 7.2. Các nhóm thuốc điều trị	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 4: Bệnh lý tổn thương dây thần kinh: Viêm da rễ và dây thần kinh cấp (GBS) 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 4.1. Nguyên tắc điều trị 4.2. Các phương pháp điều trị cụ thể	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

Bài 5: Bệnh lý thoái hóa tế bào não: Parkinson	3	9	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị không dùng thuốc 5.3. Các nhóm thuốc điều trị					
Tổng	30	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng kiểm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- THE LANCET- Tiếp cận xử trí trong Thần kinh học- NXB Thế Giới, 2015.
- Giáo trình thần kinh học. - Tp. HCM: Nxb. DHQG Tp.HCM, 2020.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Đột quỵ não - sinh lý bệnh và cập nhật điều trị = Text book of stroke medicine. - H. : Y học, 2019
2. Thoái hóa cột sống cổ và thoát vị đĩa đệm/ Hồ Hữu Lương . - H. : Y học, 2018.
3. Neurologie / Nicolas Danziger. - 4e édition. - Paris : Med-Line, 2006.
4. Neurologie : Réussir les ECN / Pr Mathieu Zuber. - 3e édition. - Issy les Moulineaux : Elsevier Masson, 2012.
5. Hanbook of Veterinary neurology / Michael D. Lorenz. - Missouri : Elsevier, 2011.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	BS.CKII. Ngô Văn Dũng	Bộ môn Thần kinh		
2	TS.BS. Nguyễn Tuấn Lượng	Bộ môn Thần kinh	<u>Luong_tk10@live.com</u>	0912924928

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa Thần kinh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Nguyễn Tuấn Lượng

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÃO KHOA

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Lão khoa		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội		
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội		
Email liên hệ:		
Điện thoại liên hệ:		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	0	2	
Số tiết	115	15	0	90	60
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Lão khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên cao học Nội kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý lão khoa thông thường thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này giúp học viên cao học Nội rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh lý lão khoa thông thường thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý lão khoa thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý lão khoa thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam,

phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu lão khoa thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lão khoa thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý lão khoa thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh lão khoa thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu lão khoa thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyển tuyến kịp thời bệnh lý lão khoa nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề tim mạch thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- Ma trận lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ:** là bài thi trắc nghiệm gồm 30 câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ) trong thời gian 40 phút

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ

từ Tiến sỹ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Tổng quan về bệnh lý lão khoa	3	18	6	CLO1,2,3	PP1; PP2; PP4; PP5
1. Nguyên nhân và cơ chế của sự già 2. Thay đổi thể chất ở người cao tuổi 3. Đánh giá bệnh nhân cao tuổi 4. Một số phương pháp thăm dò bệnh lý lão khoa 5. Nguyên tắc chăm sóc và điều trị bệnh lý người cao tuổi					
Bài 2: Hội chứng sa sút trí tuệ ở người có tuổi	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị					
Bài 3: Bệnh Parkinson	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7;
1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh					

3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị					PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 4: Bệnh Alzheimer 1. Đại cương 2. Sinh lý bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Sử dụng thuốc ở người cao tuổi và các thuốc nâng cao tuổi thọ 1. Đại cương 2. Sử dụng thuốc ở người cao tuổi 3. Các thuốc nâng cao tuổi thọ	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Tổng	30	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng đi kèm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Thị Dung, Đỗ Thị Tính (2018). *Bệnh học Nội khoa tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 1*. Nhà xuất bản Y học.
3. Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa*, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa*, Bệnh viện Bạch Mai. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Lão khoa (2021). *Lão khoa đại cương*. Trường Đại học Y Dược Hà Nội. Nhà xuất bản y học
2. Bộ môn Lão khoa (2021). *Bệnh học lão khoa*. Trường Đại học Y Dược Hà Nội. Nhà xuất bản y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Dung	Bộ môn Nội	nguyendungprof@gmai l.com	0913012931
2	PGS.TS. Phạm Văn Nhiên	Bộ môn Nội	pvnhiem@hpmu.edu.vn	0912029112
3	TS.BS. Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội	vmtan@hpmu.edu.vn	0905183839

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa nội 4 bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa thăm dò chức năng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

TS. Vũ Mạnh Tân

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HUYẾT HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Huyết học		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội		
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội		
Email liên hệ:		
Điện thoại liên hệ:		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	0	2	
Số tiết	115	15	0	90	60
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Huyết học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên cao học Nội kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc các bệnh lý huyết học thông thường thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này giúp học viên cao học Nội rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập, thành thạo đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh lý lão khoa thông thường thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, dược lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý huyết học thường gặp.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh lý huyết học thường gặp, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt

Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Xử trí đúng các cấp cứu huyết học thường gặp, phát hiện tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

CO4. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO5. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO6. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý huyết học thường gặp.	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý huyết học thường gặp, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh huyết học thường gặp.	PLO4
CLO4	Xử trí đúng một số cấp cứu huyết học thường gặp, phát hiện và ra quyết định chuyên tuyến kịp thời bệnh lý lão khoa nặng, phức tạp, tránh biến chứng.	PLO5
CLO5	Phân tích được nhu cầu cá nhân, gia đình, cộng đồng về các vấn đề tim mạch thường gặp cần chăm sóc sức khỏe để xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả.	PLO8
CLO6	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9

CLO7	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO8	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- **Má trận lượng giá lâm sàng**

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ: hệ số 0,9.** Học viên được giao viết và trình bày chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 2-3 cán bộ có trình độ từ Tiến sĩ/Chuyên khoa II trở lên sẽ họp và đánh giá chất lượng chuyên đề theo mẫu

phiếu chấm điểm thống nhất. Nội dung chuyên đề đáp ứng chuẩn đầu ra 1 của học phần (CLO1).

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1. Leucemie 1. Leucemie cấp 1.1. Đai cương 1.2. Triệu chứng 1.3. Chẩn đoán 1.4. Điều trị 2. Leucemie kinh 2.1. Đai cương 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Điều trị	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 2: Thiếu máu 1. Định nghĩa 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Phân loại thiếu máu 4. Một số bệnh lý thiếu máu thường gặp 4.1. Thiếu máu thiếu sắt 4.2. Thalassemia 4.3. Thiếu máu do tan máu tự miễn 4.4 Thiếu máu do thiếu acid folic, vitamin B12	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 3: Giảm tiêu cầu miễn dịch nguyên phát 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Lâm sàng	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

2.2. Cận lâm sàng					
3. Chẩn đoán					
4. Điều trị					
Bài 4: Tai biến truyền máu, cách xử trí	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Phân loại các tai biến truyền máu					
2. Một số tai biến truyền máu thường gặp					
2.1. Phản ứng không mong muốn do truyền máu cấp tính					
2.2. Phản ứng không mong muốn do truyền máu muộn					
Bài 5: Hemophilia	3	18	6	CLO1-8	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
1. Đại cương					
2. Triệu chứng					
2.1. Lâm sàng					
2.2. Cận lâm sàng					
3. Chẩn đoán					
4. Điều trị					
Tổng	15	90	60		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng diễm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Thị Dung, Đỗ Thị Tính (2018), *Bệnh học Nội khoa tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Ngô Quý Châu (2020). *Bệnh học nội khoa tập 2*. Nhà xuất bản Y học.

3. Hoàng Văn Sỹ, Quách Trọng Đức (2020). *Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa*, Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Ngô Quý Châu, Nguyễn Quốc Anh (2017). *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa*, Bệnh viện Bạch Mai. Nhà xuất bản Y học.
5. Đỗ Trung Phân (2014), *Bài giảng huyết học truyền máu sau đại học*. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học*. Nhà xuất bản Y học.
2. Hemant Godara (2015). *Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch)*. Nhà xuất bản Y Học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1.	PGS.TS. Phạm Văn Nghiên	Bộ môn Nội	pvnghien@hpmu.edu.vn	0912029112
2.	TS. BS. Lê Thị Diệu Hiền	Bộ môn Nội	ltdhien@hpmu.edu.vn	
3.	TS. BS. Vũ Thị Thu Trang	Bộ môn Nội	vtttrang@hpmu.edu.vn	0985850924

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Khoa nội 4 bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa thăm dò chức năng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

Phụ trách CTĐT

TS. Lê Thị Diệu Hiền

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Chẩn đoán hình ảnh
Mã học phần: CN. 1
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nội khoa
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức:
<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc
<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Dơn vị phụ trách: Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
Email liên hệ: nvlong@hpmu.edu.vn
Điện thoại liên hệ: 0904580590

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	
Số tiết	75	15	60	30
Số buổi	18	3	15	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Điều kiện khác: không

1. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1.1 Mô tả chung

Học phần chẩn đoán hình ảnh cung cấp kiến thức cơ bản cho học viên cao học Nội khoa về một số vấn đề thường gặp của chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh. Học phần này cũng cung cấp kiến thức nền tảng và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu trong chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh tại các trình độ học tiếp theo.

1.2 Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Nắm được chỉ định của các phương pháp X Quang, CLVT trong chẩn đoán bệnh lý bộ máy hô hấp	PLO1, PLO3

CLO2	Phân tích được hình ảnh bình thường, hình ảnh bất thường của bộ máy hô hấp.	PLO3
CLO3	Chẩn đoán được các bệnh lý cơ bản của bộ máy hô hấp bằng hình ảnh X quang quy ước	

2. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá lý thuyết và lượng giá lâm sàng

Yêu cầu tiên quyết: Học viên học đủ 100% số buổi thực hành. Vắng 1 buổi trở lên sẽ bị cấm thi.

2.1 Lượng giá lý thuyết:

- Thi MCQs trong thời gian 60 phút liên quan đến các vấn đề cơ bản Chẩn đoán hình ảnh hệ thần kinh và tiêu hóa.

- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần

- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Mục tiêu	Nhớ (0%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (70%)	Tổng
CLO 1 (20%)	0	3	7	10
CLO 2 (30%)	0	5	10	15
CLO 3 (50%)	0	7	18	25
Tổng	0	15	25	50

2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.

- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp đọc phim theo bộ phim tài liệu của bộ môn.

- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng

- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 3 (70%)	-	-	X	-
CLO 4 (30%)	-	-	X	-
Tổng			100%	

3. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dòng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	LS				
1	Bài 1: Hướng dẫn đọc phim X-quang ngực	05	20	CLO1, CLO2	Thuyết trình	ThS. Long	01
2	Bài 2: Dấu hiệu X-quang ngực	05	20	CLO2, CL03	Thuyết trình	ThS. Cường	01
3	Bài 3: Hội chứng X-quang ngực	05	20	CLO2, CL03	Thuyết trình	ThS. Tú	01
	Tổng	15	60				

4. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

a. Tài liệu học tập:

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh - Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001
- b. Tài liệu tham khảo:
- Siêu âm tổng quát. Nhà xuất bản Đại học Huế 2011
- Siêu âm bụng tổng quát / Nguyễn Phước Bảo Quân. - H. : Y học, 2002

5. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	ThS. Bùi Hoàng Tú	Bộ môn CDHA	bhtu@hpmu.edu.vn
2.	PGS.TS Hoàng Đức Hạ	Bộ môn CDHA	hdha@hpmu.edu.vn
3.	ThS. Nguyễn Văn Long	Bộ môn CDHA	nvlong@hpmu.edu.vn

Danh sách giảng viên tham gia trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	Phan Xuân Cường	Bộ môn CDHA	pxcuong@hpmu.edu.vn
2.	Nguyễn Hồng Phúc	Bộ môn C	nhongphuc@hpmu.edu.vn

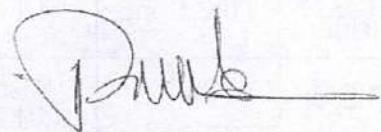
6. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường

- Các phương tiện chẩn đoán hình ảnh: máy X quang, CLVT.

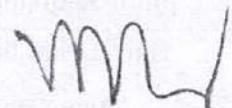
7. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần



PGS.TS. *Hoàng Đức Hạnh*

Phụ trách CTĐT



TS. *Vũ Mạnh Tân*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN UNG THƯ HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Ung thư học		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học nội khoa		
Loại học phần: [X] Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	[X] Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nội		
Email liên hệ:		
Điện thoại liên hệ:		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	0	2	
Số tiết	115	15	0	90	
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần giáo dục đại cương
- Học phần học trước: Các học phần kiến thức cơ sở ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần ung thư học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nội khoa, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên cao học Nội khoa kiến thức và kỹ năng chẩn đoán và nguyên tắc điều trị các bệnh ung thư phổ biến, bao gồm: dịch tễ, chẩn đoán xác định, giai đoạn, các nguyên tắc điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này hỗ trợ bác sĩ chuyên khoa rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và chuyên bệnh nhân đúng chuyên khoa điều trị, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh ung thư phổ biến tại cộng đồng và cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần (CO)

CO1. Áp dụng được kiến thức khoa học triết học, y học cơ sở, được lý học, khoa học lâm sàng, y học thực chứng, thống kê y sinh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh lý ung thư phổ biến.

CO2. Thực hành thành thạo chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh ung thư phổ biến, đảm bảo an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.

CO3. Giao tiếp và phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

CO4. Hướng dẫn được sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành chuyên môn và nghề nghiệp.

CO5. Có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng trong chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nghiên cứu các bệnh ung thư phổ biến	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý ung thư, đảm bảo toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh.	PLO3
CLO3	Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên và đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	PLO9
CLO4	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO10
CLO5	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	PLO11

3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá, đánh giá lâm sàng

- Điều kiện dự thi: Học viên phải tham gia ≥ 90% cả các buổi thực hành lâm sàng, trực theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài học, báo cáo trực... Học viên nghỉ học không lý do ≥ 10% (của 1 khoa hoặc toàn bộ học phần), bỏ trực không có lý do, không hoàn thành nhiệm vụ học tập sẽ không được dự thi lâm sàng và phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè. Trường hợp nghỉ học, trực có lý do chính đáng phải báo cáo cán bộ phụ trách trước khi nghỉ và phải được chấp thuận. Học viên phải học, trực

bù trước khi dự thi. Học viên nghỉ học, trực có lý do chính đáng nhưng không hoàn thành việc học, trực bù sẽ không được dự thi lâm sàng, và học lại trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lâm sàng cuối kỳ là bài thi trên bệnh nhân thật:** Học viên được đánh giá kỹ năng hỏi bệnh, khám thực thể và kỹ năng lập luận chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh bằng bảng kiểm, bởi 2 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ hoặc CKII.

- **Mã trận lượng giá lâm sàng**

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (50%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4 (20%)			x	
CLO6 (5%)			x	
CLO8 (5%)			x	
Tổng			100%	

3.2. Lượng giá, đánh giá lý thuyết

- **Điều kiện dự thi:** Học viên phải tham gia đầy đủ ≥ 85% thời lượng lý thuyết, hoàn thành đầy đủ các bài báo cáo chuyên đề, bài tập theo yêu cầu của giảng viên phụ trách, điểm thi lâm sàng ≥ 5,0 (theo thang điểm 10). Học viên không đủ điều kiện dự thi lý thuyết sẽ học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè.

- **Bài thi lý thuyết cuối kỳ:** là bài thi trắc nghiệm gồm 30 câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ) trong thời gian 40 phút

- **Mã trận lượng giá lý thuyết**

Chuẩn đầu ra	Mức độ			Tổng số câu
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1 (100%)	0% (0 câu)	0% (0 câu)	100% (30 câu)	100% (30 câu)
Tổng số	0% (0 câu)	0% (0 câu)	100% (30 câu)	100% (30 câu)

3.3. Tổng kết học phần

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = LS x 0.5 + LTCK x 0.5
- Điều kiện đạt; điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm
- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần trong thời gian nghỉ hè, được quyền bảo lưu điểm thành phần đã đạt và phải có đơn đăng ký bảo lưu trước khi học lại.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng		
Bài 1: Đại cương và dịch tễ ung thư 1. Đại cương ung thư 2. Dịch tễ học 3. Các bước phòng bệnh ung thư	3	10	CLO3,4,5	PP1; PP2; PP3; PP5
Bài 2: Ung thư phổi 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán giai đoạn 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	20	CLO1 PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11 -5	
Bài 3: Ung thư gan 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán giai đoạn 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	20	CLO1-5	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 4. Ung thư ống tiêu hóa 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán	3	20	CLO1-5	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11 PP1; PP2; PP3; PP5;

4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán giai đoạn 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị				PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Ung thư hạch 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán 4.2. Chẩn đoán phân biệt 4.3. Chẩn đoán giai đoạn 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Các phương pháp điều trị	3	20	CLO1-5	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Tổng	15	90		

Ghi chú:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điều trị

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Bài giảng chuyên ngành ung bướu: Tài liệu lưu hành nội bộ- Bộ môn Ung bướu, Đại học Y Dược Hải Phòng, 2016
2. Nguyễn Bá Đức, Đào Ngọc Phong (2009). Dịch tễ học bệnh ung thư, Nhà xuất bản y học
3. Nguyễn Bá Đức, Trần Văn Thuấn, Nguyễn Tuyết Mai (2010), Điều trị nội khoa bệnh Ung thư, Nhà xuất bản y học

5.2. Tài liệu tham khảo

1. <https://geo.iarc.fr/>
2. <https://www.nccn.org/guidelines/guidelines-detail>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Lê Minh Quang	Bệnh viện Hữu Nghĩ Việt Tiệp	lmquang.vt@gmail.com	0934350999
2	PGS.TS Nguyễn Lam Hòa	Bộ môn Ung bướu		0912129137
3	TS Trần Quang Hưng	TT Ung bướu- Bệnh viện Hữu Nghĩ Việt Tiệp		0982853186
4	TS. BS. Đỗ Thị Phương Chung	Khoa Ung bướu cơ sở An Đồng-Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Dothiphuongchu ng1979@gmail.com	0947195968
5.	BS CKII Đỗ Đình Toàn	TT Ung bướu - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp		0989970012

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học thông minh, máy chiếu, tivi
- Trung tâm mô phỏng Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- TT Ung bướu, Khoa ung bướu cơ sở An Đồng bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

PGS.TS. Lê Minh Quang

Phụ trách CTĐT

TS. Vũ Mạnh Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DỊ ỨNG MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng
Mã học phần: YHDU.583
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học Nội khoa
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input checked="" type="checkbox"/> X Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Sinh lý bệnh – Dị ứng – Miễn dịch
Email liên hệ: Bmslbmd@hpmu.edu.vn
Điện thoại liên hệ: 0915.065.324

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	0	2	
Số tiết	135	15	0	90	30
Số buổi	23	5		18	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.7. Mô tả chung

Dị ứng - miễn dịch lâm sàng là môn học cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và cập nhật về bệnh nhân dị ứng - miễn dịch; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh tự miễn dịch - dị ứng.

2.8. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Áp dụng các kiến thức về dị ứng – miễn dịch để chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, điều trị dự phòng một số bệnh dị ứng – tự miễn.	PLO1
CLO2	Thực hành các kỹ năng thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân dị ứng – tự miễn.	PLO3

CLO3	Sử dụng thành thạo các trang thiết bị có trong chuyên ngành Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng để đảm bảo phục vụ cho chẩn đoán và điều trị một số bệnh Dị ứng – tự miễn thường gặp.	PLO4
CLO4	Thực hành thành thạo các kỹ thuật/thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh Dị ứng-Miễn dịch thường gặp.	PLO5

3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Điểm lý thuyết: Báo cáo chuyên đề, thang điểm 10
- Điểm lâm sàng: Thi trên bệnh nhân thật, thang điểm 10
- Công thức tính điểm: TKHP= LTx0.5 + LSx0.5

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Dị ứng thuốc LLO1. Áp dụng được kiến thức để thăm khám, lập luận chẩn đoán và điều trị bệnh nhân dị ứng thuốc LLO2. Thực hành các kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị trên bệnh nhân dị ứng thuốc cụ thể LLO3. Sử dụng và thực hành thành thạo trang thiết bị, thủ thuật để phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh nhân dị ứng thuốc	03	18	06	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 2: Dị ứng thức ăn LLO1. Áp dụng được kiến thức để thăm khám, lập luận chẩn đoán và điều trị bệnh nhân dị ứng thức ăn LLO2. Thực hành các kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị trên bệnh nhân dị ứng thức ăn cụ thể	03	18	06	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

LLO3. Sử dụng và thực hành thành thạo trang thiết bị, thủ thuật để phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh nhân dị ứng thức ăn					
Bài 3: Hen phế quản LLO1. Áp dụng được kiến thức để thăm khám, lập luận chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hen phế quản LLO2. Thực hành các kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị trên bệnh nhân hen phế quản cụ thể LLO3. Sử dụng và thực hành thành thạo trang thiết bị, thủ thuật để phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hen phế quản	03	18	06	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 4: Lupus ban đỏ hệ thống LLO1. Áp dụng được kiến thức để thăm khám, lập luận chẩn đoán và điều trị bệnh nhân lupus LLO2. Thực hành các kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị trên bệnh nhân lupus cụ thể LLO3. Sử dụng và thực hành thành thạo trang thiết bị, thủ thuật để phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh nhân lupus	03	18	06	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11
Bài 5: Hội chứng kháng Phospholipid LLO1. Áp dụng được kiến thức để thăm khám, lập luận chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc HC kháng phospholipid LLO2. Thực hành các kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị trên bệnh nhân mắc HC kháng phospholipid cụ thể LLO3. Sử dụng và thực hành thành thạo trang thiết bị, thủ thuật để phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc HC kháng phospholipid	03	18	06	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	PP1; PP2; PP3; PP5; PP6; PP7; PP8; PP9; PP10; PP11

Ghi chú:

- PP1: Thuyết trình
 PP2: Thảo luận nhóm
 PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)
 PP4: Thực hành tại phòng lab
 PP5: Dạy học một kỹ năng
 PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân
 PP7: Dạy học thông qua đi buồng diêm bệnh
 PP8: Dạy học thông qua trực
 PP9: Dạy học thông qua giao ban
 PP10: Dạy học thông qua hội chẩn
 PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Bài giảng Hóa sinh – dị ứng – miễn dịch lâm sàng, Bộ môn Sinh lý bệnh – Dị ứng
- Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015

5.2. Tài liệu tham khảo

- Miễn dịch học, Nguyễn Ngọc Lanh, NXB Y học, 2006
- Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng, Phan Quang Đoàn, Bộ Y tế, 2009

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Văn Thúc	BM Sinh lý bệnh - Dị ứng - Miễn dịch,	pvtthuc@yahoo.com
2	Phạm Huy Quyết	Đại học YD Hải Phòng	quvendhyhp@gmail.com
3	Phạm Văn Linh		pvlinh@hpmu.edu.vn
4	Dương Quý Sỹ	Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng	sduongquy.jfvp@gmail.com
5	Nguyễn Thị Kim Hương	BM Sinh lý bệnh - Dị ứng - Miễn dịch,	ntkhuong@hpmu.edu.vn
6	Nguyễn Thị Hồng Liên	Đại học YD Hải Phòng	nthlien@hpmu.edu.vn

Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Phạm Thị Khuyên	BM Sinh lý bệnh - Dị ứng - Miễn dịch, Đại học YD Hải Phòng	Trợ giảng
2	Vũ Thị Hồng		Trợ giảng
3	Trần Thị Thu Hằng		Trợ giảng
4	Phạm Thị Hoàng Vân		Trợ giảng

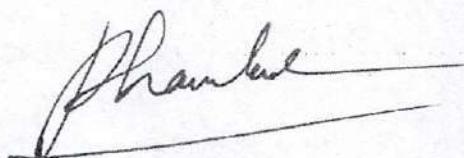
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, phấn, bảng
- Máy tính, máy chiếu Projector
- Hệ thống elearning
- Phòng thảo luận nhóm

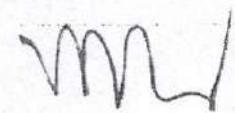
8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

Phụ trách CTĐT



PGS.TS. Phạm Văn Linh



TS. Vũ Mạnh Tân

